

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021/HS-ST

Ngày 12 - 5 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lữ Văn Hà

Bà Lục Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chinh - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/HSST-QĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/HSST-QĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021; Đối với các bị cáo:

1. **Phùng Văn B** (Tên gọi khác: Phùng Xuân B; Cò Mán), sinh ngày 08 tháng 4 năm 1975 tại: Xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Trung Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Văn H (đã chết) và bà Triệu Thị Th; Có vợ là Phạm Thị H (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2008).

Tiền án: Có 02 tiền án. Ngày 28/9/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/01/2018, chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự của bản án là 2.657.000đ; Ngày 27/11/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành

xong hình phạt tù ngày 31/01/2018, chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự của bản án là 10.000.000đ.

Tiền sự: Ngày 24/4/2014 bị Công an huyện C, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”, bằng hình thức phạt tiền nhưng chưa chấp hành.

Nhân thân: Ngày 13/11/1998 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 40 tháng tù về tội: “Cướp tài sản”; Ngày 27/01/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 20 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2020 đến nay (Theo Quyết định thi hành án phạt tù số 10/2021/QĐ-CA ngày 02/3/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa); Có mặt.

2. Lò Thị V, sinh ngày 29 tháng 02 năm 1986, tại: Xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Bản S, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn Nh và bà Hà Thị Q; Có chồng là Hà Văn Th và 02 con (con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2007).

Tiền án: 01. Ngày 28/5/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chấp ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/3/2019, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/01/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 17 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/10/2020 đến nay (Theo Quyết định thi hành án phạt tù số 11/2021/QĐ-CA ngày 02/3/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa); Có mặt.

3. Trương Văn Đ, sinh ngày 29 tháng 4 năm 1987 tại: Xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Trung Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn Đ và bà Cao Thị L; Có vợ là Nông Thị H và 02 con (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2020 cho đến nay; Có mặt

* *Người bị hại*: Anh Lương Văn Q, sinh năm 1998; Trú tại: Bản N, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Lê Thị T, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn Trung Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 13 tháng 8 năm 2020, Trương Văn Đ đến nhà Phùng Văn B ở thôn Trung Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa chơi thì gặp Lò Thị V là người cư trú tại Bản S, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh hóa cũng đang ở nhà B. Trong lúc ngồi nói chuyện với nhau thì B rủ V và Đ cùng lên huyện Quan Sơn để trộm cắp tài sản. Đ và V đồng ý nên B lấy xe máy Dream đã cũ, không có biển kiểm soát của mình để chở Đ và V đi đến huyện Quan Sơn. Trên đường đi, đến đoạn thuộc địa phận bản N, xã T, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa thì phát hiện dưới gầm nhà sàn của gia đình anh Lương Văn Q có dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha mang BKS: 36H7-056.91. Quan sát thấy gia đình anh Q đã đi ngủ nên cả ba cùng thống nhất với nhau để lấy trộm chiếc xe mô tô đó. B chở Đ và V đi cách xa nhà anh Q một đoạn khoảng 40m rồi dừng lại đưa xe cho Lò Thị V cầm lái, B bảo Đ đi bộ quay lại gia đình anh Q để lấy trộm xe, còn B đi bộ một đoạn ra phía ngoài đường để canh người. Trương Văn Đ đi bộ đến gầm nhà sàn của gia đình anh Q lấy trộm được chiếc xe mô tô của anh Q rồi dắt ra ngoài đường đưa cho B tìm cách nổ máy. B cạy cốp xe vừa trộm cắp được thì lấy được chìa khóa xe trong cốp rồi nổ máy, điều khiển quay ra đường Quốc lộ 217 đi về huyện C, còn V điều khiển xe Dream của B để chở Đ đi quay về theo B. Khi đi đến đoạn đường thuộc địa phận xã Kỳ Tân, huyện Bá Thước thì chiếc xe mới trộm cắp bị hết xăng nên cả ba cùng dừng lại để B lấy một ít xăng từ xe máy Dream đổ sang xe Honda Wave alpha mới trộm cắp. Sau đó, B giao chiếc xe Wave alpha mới trộm cắp được cho V điều khiển một mình đi về nhà B trước, còn B thì chạy xe Dream chở Đ đi theo sau. Về đến huyện C, Đ trở về nhà của mình ngủ, còn V và B mang chiếc xe trộm cắp được về nhà B cất giấu rồi đi ngủ. Đến sáng ngày 14/8/2020, Đ đến nhà B để chia tiền bán xe, nhưng do B và V chưa bán được xe nên Đ không lấy được tiền. Sau đó, Đức bỏ ra Hà Nội để làm thợ xây, còn B đã tháo biển số xe 36H7-056.91 ra khỏi chiếc xe Honda Wave alpha đã trộm cắp được và thay vào một biển kiểm soát khác là: 36B1-173.07. B và V mang xe Honda Wave alpha đã thay biển kiểm soát đến bán cho chị Lê Thị T, sinh năm 1983, trú tại thôn Trung Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa với giá 5.000.000đ (năm triệu đồng). Khi bán xe trên cho chị T thì B giao kèm theo một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 058679 mang tên chủ xe là Phạm Anh D và có biển kiểm soát trong Giấy chứng nhận đăng ký xe là 36B1-173.07. V cũng đã khẳng định với chị T đó là xe của mình nên chị T đã mua chiếc xe này mà không biết đó là tài sản do B, V và Đ đã trộm cắp mà có. Sau đó chị T đã tự nguyện giao nộp lại chiếc xe trên cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn để xử lý theo quy định của pháp luật.

Gia đình anh Lương Văn Q sau khi bị mất xe đã trình báo lên Công an xã T. Vụ việc sau đó được chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an

huyện Quan Sơn khởi tố vụ án và tiến hành điều tra. Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn nhận được Thông báo của Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa về việc có hai đối tượng là Phùng Văn B và Lò Thị V trong một vụ án hình sự do Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân đang tiến hành điều tra về hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 25/9/2020 tại huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân, B và V đã khai nhận về hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, mang BKS: 36H7-056.91 tại huyện Quan Sơn. Ngoài ra Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân còn thu giữ được từ Lò Thị V 01 (một) biển số xe 36H7-056.91. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn đã phối hợp và tiến hành lấy lời khai của B và V. Quá trình điều tra, B và V đã khai nhận toàn bộ về hành vi trộm cắp chiếc xe Honda Wave Alpha, màu vàng, đen, bạc mang BKS 36H7-056.91 của gia đình anh Lương Minh Q vào đêm ngày 13/8/2020.

Trương Văn Đ đi làm thợ xây ở thành phố Hà Nội, do làm cùng với con trai của Phùng Văn B nên Đ biết được tin B đã bị bắt và đang bị điều tra về các hành vi trộm cắp tài sản. Đến ngày 30/11/2020, Đ đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình đã cùng với B và V trộm cắp chiếc xe Honda Wave Alpha mang BKS 36H7-056.91 của anh Lương Minh Q.

Ngày 21/9/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn đã yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu vàng, đen, bạc; biển kiểm soát: 36H7-056.91; số máy: HC12E7151965; số khung 1250FY151939. Tại Bản kết luận số: 08/HĐĐG ngày 24/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Quan Sơn kết luận: 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu vàng, đen, bạc có dung tích xilanh: 97 cm³; số khung 1250FY151939, số máy: HC12E7151965; Biển kiểm soát: 36H7-056.91, đăng ký lần đầu vào ngày 08/11/2016, đã qua sử dụng, tại thời điểm bị mất trộm có giá trị là: 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Quá trình điều tra, Phùng Văn B, Lò Thị V và Trương Văn Đ đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Về bồi thường dân sự: Người bị hại là anh Lương Minh Q đã được giao nhận lại xe và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị T: Trong quá trình điều tra, chị T yêu cầu Phùng Văn B và Lò Thị V phải hoàn trả lại cho chị số tiền mà B và V đã bán xe cho chị, nhưng tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị T viết đơn đề nghị không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả cho chị số tiền là 5.000.000đ mà chị đã mua xe của B và V.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream đã cũ, không có biển kiểm soát của Phùng Văn B mà B, V và Đ đã sử dụng làm phương tiện phạm tội. Phùng

Văn B đã bán cho người mua sắt vụn, không rõ tên, tuổi, địa chỉ với giá 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) để tiêu xài riêng cho cá nhân nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn không thu giữ được.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu vàng, đen, bạc, số khung 1250FY151939, số máy: HC12E7151965 và Biển kiểm soát: 36H7-056.91 đã xác định là của anh Lương Minh Q nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn đã trả lại cho anh Q.

- 01 (Một) Biển kiểm soát 36B1-173.07 và 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 058679 mang tên chủ xe Phạm Anh D. Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn tiến hành trưng cầu giám định tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Tại Kết luận giám định số 711 và 712/PC09 ngày 03/02/2021 kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 058679 và Biển kiểm soát 36B1-173.07 là giả. Hiện nay đang được bảo quản tại Chi cục THADS huyện Quan Sơn chờ xử lý.

Tại Bản cáo trạng số: 03/CT-VKSQS ngày 02/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Phùng Văn B, Lò Thị V và Trương Văn Đ về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện VKS nhân dân huyện Quan Sơn giữ nguyên quyết định truy tố đối với Phùng Văn B, Lò Thị V và Trương Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 56 và Điều 58 BLHS để xử phạt Phùng Văn B từ 15 đến 18 tháng tù, xử phạt Lò Thị V từ 12 đến 15 tháng tù, tổng hợp với hình phạt của bản án số: 04/2021/HS-ST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 BLHS để xử phạt Trương Văn Đ từ 07 tháng đến 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam. Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp, đời sống kinh tế khó khăn, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng và đồ vật thu giữ: Đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tuyên tịch thu tiêu hủy đối với 01 (Một) Biển kiểm soát in chữ nổi màu đen 36B1-173.07 trên nền màu trắng, có in hình nổi cảnh sát hiệu và 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 058679 mang tên chủ xe Phạm Anh D, in biển số đăng ký: 36B1-173.07. Đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tuyên tịch thu, sung quỹ Nhà nước đối với số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) là số tiền do bán, trao đổi tài sản phạm tội mà có. Số tiền này chỉ có Phùng Văn B và Lò Thị

V cùng sử dụng chung, còn Trương Văn Đ chưa nhận được từ B và V, nên đề nghị truy thu số tiền trên từ B và V để nộp ngân sách Nhà nước. Chiếc xe Dream của Phùng Văn B đã sử dụng làm phương tiện phạm tội. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, B đã bán cho một người thu mua phế liệu được 700.000đ, nên đề nghị truy thu nộp ngân sách Nhà nước. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác, do đó không xem xét. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH để buộc B, V và Đ phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS; Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật để giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Phùng Văn B, Lò Thị V và Trương Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Kết luận của Hội đồng định giá; Các tài liệu, chứng thu thập được trong hồ sơ vụ án. HĐXX đủ cơ sở kết luận: Tối ngày 13/8/2020, tại bản N, xã T, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Lợi dụng sơ hở, chủ quan trong việc trông coi, quản lý tài sản của gia đình anh Lương Minh Q. Phùng Văn B, Lò Thị V và Trương Văn Đ đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu vàng, đen, bạc; Biển kiểm soát: 36H7-056.91, trị giá 6.000.000đ của anh Lương Minh Q. Như vậy, Cáo trạng của VKSND huyện Quan Sơn đã truy tố các bị cáo Phùng Văn B, Lò Thị V và Trương Văn Đ về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo trong vụ án, HĐXX nhận thấy: Hành vi của Phùng Văn B, Lò Thị V và Trương Văn Đ là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, các bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ; gây nên tâm lý hoang mang, bất bình trong nhân dân, làm ảnh

hưởng đến trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công hoặc câu kết chặt chẽ với nhau từ trước. Các bị cáo Phùng Văn B, Lò Thị V và Trương Văn Đ đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với hành vi của mình gây ra. Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Bị cáo B là người chủ động rủ rê bị cáo Đ và V thực hiện hành vi phạm tội, lẽ ra Đ và V phải ngăn cản để B từ bỏ ý định phạm tội, nhưng các bị cáo đã không ngăn cản mà đồng ý và giúp sức tích cực trong việc phạm tội. Bị cáo Đ là người thực hành tích cực, đã trực tiếp vào mang tài sản của gia đình anh Q ra ngoài; bị cáo V cùng B cảnh giới và cùng nhau bán chiếc xe trộm cắp được cho chị T. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX xét thấy trong vụ án này, vai trò của bị cáo B là cao hơn rồi đến bị cáo Đ và bị cáo V. Do đó, HĐXX sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Xét nhân thân và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với các bị cáo:

* Về nhân thân: Các bị cáo Phùng Văn B và Lò Thị V có nhân thân xấu, đã bị kết án, chưa được xóa án tích; Ngày 27/01/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt: Phùng Văn B 20 tháng tù; Lò Thị V 17 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Trương Văn Đ có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự.

* Tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Vì vậy, các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Riêng bị cáo Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn để đầu thú về hành phạm tội của mình nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

* Tình tiết tăng nặng TNHS: Phùng Văn B có 02 (hai) tiền án; Lò Thị V có 01 (một) tiền án. Do đó, bị các bị cáo B và V cùng phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo Trương Văn Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS.

[5] Về hình phạt chính: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX xét thấy: Cần lên cho các bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra. Cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: HĐXX thấy rằng, các bị cáo là lao động tự do, không có công việc ổn định, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, không có khả năng thi hành án. Do vậy, không cần áp dụng hình phạt tiền bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS đối với các bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Lương Minh Q đã được nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị T. Trong quá trình điều tra, chị T yêu cầu bị cáo B và V phải bồi thường số tiền 5.000.000đ nhưng đến ngày 02/4/2021, chị T có đơn đề nghị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền trên cho chị. Xét thấy, số tiền 5.000.000đ là tiền do phạm tội mà có, số tiền này Đ không được ăn, chia còn B và V đã cùng nhau tiêu xài chung. Nay chị T không yêu cầu nhận lại nên cần truy thu từ B và V mỗi bị cáo 1/2 số tiền trên để sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

* Đối với chiếc xe máy Dream không có biển kiểm soát của Phùng Văn B đã sử dụng làm phương tiện phạm tội. B đã bán cho người mua sắt vụn, không rõ tên, tuổi, địa chỉ, với giá 700.000đ để tiêu xài cá nhân. Do đó, cần truy thu của B số tiền trên để sung vào ngân sách Nhà nước.

* Trong vụ án này, Phùng Văn B khai nhận đã mua 01 (một) Biển số xe máy in chữ nổi màu đen mang BKS: 36B1-173.07 có in hình nổi cảnh sát hiệu; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số: 058679 mang tên chủ xe: Phạm Anh D, in biển số đăng ký: 36B1-17307 là giả và B bán chiếc xe máy nhãn hiệu Dream đã cũ, không có biển kiểm soát của mình cho một người đàn ông mua, bán sắt vụn. Do B không biết tên, tuổi và địa chỉ của người này nên không xác định được. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn đã tách ra để xử lý bằng một vụ án khác khi có đủ căn cứ.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 058679 mang tên chủ xe Phạm Anh D và 01 Biển kiểm soát 36B1-173.07 là giả, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo Phùng Văn B, Lò Thị V và Trương Văn Đ phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 56; Điều 58 BLHS; Điều 331; Điều 333 BLTTHS đối với bị cáo Phùng Văn B và Lò Thị V.

Khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 BLHS; Điều 331; Điều 333 BLTTHS đối với bị cáo Trương Văn Đ.

1. Tuyên bố các bị cáo Phùng Văn B, Lò Thị V và Trương Văn Đ phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt:

- Bị cáo Phùng Văn B (Phùng Xuân B, Cò Mán) 16 (Mười sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 20 (Hai mươi) tháng tù, tại bản án số: 04/2021/HS-ST, ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (03/10/2020).

- Bị cáo Lò Thị V 13 (Mười ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 17 (Mười bảy) tháng tù, tại bản án số: 04/2021/HS-ST, ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (02/10/2020).

- Bị cáo Trương Văn Đ 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (30/11/2020).

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) Biển số xe máy in chữ nổi màu đen (đã qua sử dụng) mang BKS: 36B1-173.07 có in hình nổi cảnh sát hiệu; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số: 058679 mang tên chủ xe: Phạm Anh D, in biển số đăng ký: 36B1-17307. (Các vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/3/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn).

* Truy thu Phùng Văn B để sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 2.500.000đ do phạm tội mà có và số tiền 700.000đ đã bán chiếc xe của mình là phương tiện đã sử dụng vào hành vi phạm tội. Tổng cộng là 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

* Truy thu Lò Thị V để sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) do phạm tội mà có.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Phùng Văn B, Lò Thị V và Trương Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quan Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Quan Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuấn